

Bản án số: **68/2024/HS-ST**

Ngày 27 - 3 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khoái

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 8, Tòa án nhân dân Quận 8 tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2024/TLST-HS ngày 26/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HS ngày 12/3/2024, đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1971, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **H N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**; nơi ở: **H N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Không; học vấn: Không biết chữ; con ông **Trần Văn N1** (chết) và bà **Nguyễn Thị B** (chết); có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 15/7/2002, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 29/4/2005, chấp hành xong hình phạt tù; nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 26/9/2003.

- Ngày 19/5/2006, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2011. Đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và nộp phạt ngày 03/10/2012.

- Ngày 16/02/2014, Trưởng **Công an huyện B**, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Qua xác minh, hồ sơ lưu bị thất lạc mất.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 26/9/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 26/9/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phối hợp cùng Công an P, Quận H kiểm tra hành chính nhà số H N, Phường A, Quận H. Tại thời điểm kiểm tra, trong nhà có Trần Văn N. Qua kiểm tra, N tự giác lấy trong lỗ gạch góc cột ngay cửa vào nhà ra giao nộp cho Công an 04 gói nylon chứa chất bột màu trắng (N khai nhận đó là ma túy của N dùng để bán). Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của Ngàn 01 điện thoại di động hiệu Nokia gắn sim số 0931407233. Sau đó, Công an đưa Ngàn cùng vật chứng về trụ sở Công an P, Quận H lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vụ việc được lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q điều tra, làm rõ.

Tại kết luận giám định số 10743/KL-KTHS ngày 05/10/2023, Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Bột màu trắng trong 04 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Trần Văn N và hình dấu Công an P, Quận H đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,8771 gam, loại Heroine.

Quá trình điều tra, Trần Văn N khai nhận: Do cần tiền tiêu xài nên N thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi bất chính. Vào khoảng 15 giờ ngày 26/9/2023, khi N đang ở nhà thì nhận được điện thoại từ người phụ nữ (không rõ lai lịch) hỏi bán heroine cho N với giá 350.000 đồng/gói, N đồng ý mua và người phụ nữ hẹn giao ma túy tại khu vực Cầu S, Phường A Quận H. Sau khi liên lạc xong, N đã xóa thông tin cuộc gọi của người phụ nữ. Sau đó, N đi đến khu vực Cầu S gặp người phụ nữ trên, người này đưa cho N 04 gói nylon chứa heroine và nhận của N số tiền 1.400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, N mang về nhà cất giấu trong lỗ gạch góc cột ngay cửa vào nhà, chờ người liên lạc hỏi mua thì N sẽ bán với giá 430.000 đồng/gói. Khoảng 18 giờ 30 phút, cùng ngày, khi N đang ở nhà tại địa chỉ: H N, Phường A, Quận H thì Công an đến yêu cầu kiểm tra hành chính, phát hiện ma túy, bắt quả tang như trên.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong ghi số 10743/Q8 bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Trần Văn N và hình dấu Công an P, Quận H, các chữ ký ghi tên cán bộ điều tra Nguyễn Huy L và giám định viên Lê Thị H.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen gắn sim số: 0931407233 tạm giữ của N có dùng liên lạc mua bán ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS-Q8 ngày 23/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố;

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1, Khoản 5 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù, phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ghi số 10743/Q8 bên ngoài có dấu vân tay ghi tên **Trần Văn N** và hình dấu **Công an P, Quận H**, các chữ ký ghi tên cán bộ điều tra **Nguyễn Huy L** và giám định viên **Lê Thị H**.

- Đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen gắn sim số: 0931407233.

Bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Kết luận giám định số 10743/KL-KTHS ngày 05/10/2023 của **Phòng K - Công an Thành phố H** và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 26/9/2023, tại nhà **số H N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**, bị cáo **Trần Văn N** có hành vi cất giấu trái phép 1,8771 gam ma túy ở thể rắn, loại Heroine, mục đích là để bán.

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân vẫn cố ý thực hiện.

Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình

sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã 02 lần bị kết án về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, từng bị xử lý hành chính về hành vi “đánh bạc” nên đây là tình tiết cần nhắc khi Hội đồng xét xử quyết định hình phạt cho phù hợp với nhân thân bị cáo.

[5] Bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong ghi số 10743/Q8 bên ngoài có dấu vân tay ghi tên **Trần Văn N** và hình dấu **Công an P, Quận H**, các chữ ký ghi tên cán bộ điều tra **Nguyễn Huy L** và giám định viên **Lê Thị H**, là ma túy (Heroine), là vật cấm tàng trữ, lưu hành theo quy định. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen gắn sim số: 0931407233 tạm giữ của bị cáo **N**, xét bị cáo có dùng điện thoại liên lạc trao đổi mua bán ma túy. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận, trong thời gian bán ma túy, bị cáo đã thu lợi số tiền 10.000.000 đồng. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo nộp lại số tiền này để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo **N**, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án này, Cơ quan Điều tra **Công an Q** tiếp tục truy xét, có căn cứ xử lý sau.

Đối với căn nhà địa chỉ **H N, Phường A Quận H**, bị cáo **Trần Văn N** khai do bị cáo quản lý, nhà được cha mẹ ruột giao lại để quản lý và cư trú (hiện cha mẹ của **N** đã chết). Qua xác minh, không xác định được chủ sở hữu căn nhà trên. Hiện tại, **N** sống cùng với vợ tên **Lê Thị Ánh T** và 02 con. Việc **N** có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy những người sống chung không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn N** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2023.

2. Căn cứ Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Phạt bị cáo **Trần Văn N** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ghi số 10743/Q8 bên ngoài có dấu vân tay ghi tên **Trần Văn N** và hình dấu **Công an P, Quận H**, các chữ ký ghi tên cán bộ điều tra **Nguyễn Huy L** và giám định viên **Lê Thị H**.

3.2. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, gắn sim số: 0931.407.233, số Imei 1: 357329083042129, số Imei 2: 357329085042127.

3.3. Buộc bị cáo **Trần Văn N** nộp lại số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 (mười triệu) đồng.

(Biên bản giao – nhận tang tài vật ngày 29/02/2024)

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bị cáo có nghĩa vụ thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAS CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- **TAND TP.HCM;**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Hoa

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53.
- Lưu: HS, VT.